

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 cấp lần đầu ngày 18/09/2002, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 24/11/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 246.330.000.000 đồng chia thành 24.633.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hoa.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Đức Thắng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Số: 2807.1/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không tiếp cận được Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 24,145 tỷ VND và của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 23,769 tỷ VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2025, trong khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" đang ghi nhận tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 115.200.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng nêu trên.

Tại ngày 31/12/2025, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang – Dự án khai thác vàng tại Hòa Bình với giá trị 6.034.365.131 VND. Theo đó chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý cũng như khả năng thu hồi của khoản mục này trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2025, lỗ lũy kế của Công ty là 135.942.775.750 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và chưa được gia hạn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” nêu trên, tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính này vào ngày 28/03/2025.



Đỗ Thị Thanh Huyền

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2421-2024-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Hải Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1329-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139.143.887.490	59.404.271.007
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	135.412.663	217.284.998
Tiền	111		135.412.663	217.284.998
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.255.178.812	57.204.545.572
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	13.728.046.215	18.502.713.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	4.919.169.029	799.964.407
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	118.607.963.568	37.901.868.165
Hàng tồn kho	140	4.5	107.900.000	322.350.000
Hàng tồn kho	141		107.900.000	322.350.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.645.396.015	1.660.090.437
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.645.396.015	1.660.090.437
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.207.451.840	110.914.384.286
Các khoản phải thu dài hạn	210		171.177.000	55.300.177.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.6	-	55.129.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	4.4	171.177.000	171.177.000
Tài sản cố định	220		1.087.243.259	1.665.175.705
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.087.243.259	1.665.175.705
- Nguyên giá	222		15.198.828.192	15.198.828.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.111.584.933)	(13.533.652.487)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.034.365.131	6.034.365.131
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	6.034.365.131	6.034.365.131
Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.914.666.450	47.914.666.450
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.9	47.914.666.450	47.914.666.450
TỔNG TÀI SẢN	270		194.351.339.330	170.318.655.293

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		73.261.033.630	46.337.763.894
Nợ ngắn hạn	310		73.261.033.630	46.337.763.894
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	49.551.082.465	40.478.857.560
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	356.020.240	356.020.240
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	431.545.116	431.545.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	7.896.078.831	45.034.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	12.230.000.000	2.230.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.090.305.700	123.980.891.399
Vốn chủ sở hữu	410	4.16	121.090.305.700	123.980.891.399
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(135.942.775.750)	(133.144.797.008)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(133.144.797.008)	(134.773.923.533)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.797.978.742)	1.629.126.525
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.763.361.807	2.855.968.764
TỔNG NGUỒN VỐN	440		194.351.339.330	170.318.655.293

Người lập biểu
Nguyễn Thị Hoa

Phụ trách kế toán
Nguyễn Thị Hoa



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thắng
Lào Cai, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	45.157.152.800	33.565.216.052
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.157.152.800	33.565.216.052
Giá vốn hàng bán	11	5.2	44.516.520.300	31.826.005.999
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		640.632.500	1.739.210.053
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.022.913.329	2.117.748.097
Chi phí tài chính	22	5.4	523.405.287	10.120.297
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.030.726.241	2.169.570.644
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.890.585.699)	1.677.267.209
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.890.585.699)	1.677.267.209
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.890.585.699)	1.677.267.209
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(2.797.978.742)	1.629.126.525
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(92.606.957)	48.140.684
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.6	(114)	66

Người lập biểu
Nguyễn Thị Hoa

Phụ trách kế toán
Nguyễn Thị Hoa



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thắng
Lào Cai, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(2.890.585.699)	1.677.267.209
Điều chỉnh cho các khoản			-	
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		577.932.446	577.932.446
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.022.913.329)	(2.117.748.097)
Chi phí lãi vay	06		64.471.618	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.271.094.964)	137.451.558
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(79.013.045.834)	(24.779.472.586)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		214.450.000	(214.450.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.923.269.736	28.623.794.973
Tiền lãi vay đã trả	14		(64.471.618)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(65.210.892.680)	3.767.323.945
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(40.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		55.129.000.000	26.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.345	9.943.323.072
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		55.129.020.345	(4.056.676.928)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		20.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(81.872.335)	(289.352.983)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	217.284.998	506.637.981
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	135.412.663	217.284.998

Người lập biểu
Nguyễn Thị Hoa

Phụ trách kế toán
Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thắng
Lào Cai, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 cấp lần đầu ngày 18/09/2002, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 24/11/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 246.330.000.000 đồng chia thành 24.633.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 36 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác quặng kim loại quý hiếm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025 Công ty có một Công ty con. Cụ thể như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại không chứa sắt
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	33,25%	35%	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đảm bảo tính so sánh thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại 31/12/2025 lỗ lũy kế của công ty là 135.942.775.750 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa được gia hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

3.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.8. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 45
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 – 06

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

3.16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	115.848.045	210.172.456
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.564.618	7.112.542
	135.412.663	217.284.998

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm Giá trị VND	Số đầu năm Giá trị VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn LV	10.982.899.880	-
- Công ty CP KT và TMDV NN An Phát	912.046.335	2.472.333.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư 268	1.330.000.000	2.036.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TM NN	-	3.749.740.000
- Nam Gia	-	9.981.540.000
- Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	-	262.500.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	503.100.000	-
	13.728.046.215	18.502.713.000

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Lan Vương	206.000.000	206.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn môi trường Việt Khoa	100.000.000	100.000.000
- Công ty CP Xây dựng TH Công nghệ xanh	3.977.492.120	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	635.676.909	493.964.407
	4.919.169.029	799.964.407

4.4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Ngắn hạn	118.607.963.568	37.901.868.165
- Tạm ứng Công nhân viên công ty mẹ	60.400.000.000	3.500.000.000
- Tạm ứng Công nhân viên công ty con	54.800.000.000	32.000.000.000
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty mẹ	1.222.712.442	633.863.011
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty con	2.112.418.576	1.677.155.727
- Các khoản phải thu khác	72.832.550	90.849.427
Dài hạn	171.177.000	171.177.000
- Ký cược, ký quỹ	171.177.000	171.177.000
	118.779.140.568	38.073.045.165

4.5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	107.900.000	107.900.000
Hàng hóa	-	214.450.000
	107.900.000	322.350.000

4.6. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Dài hạn	-	55.129.000.000
- Nguyễn Tiến Thịnh (*)	-	5.000.000.000
- Nguyễn Tiến Đạt (*)	-	5.000.000.000
- Nguyễn Thọ Tiền (*)	-	6.000.000.000
- Nguyễn Thị My Nương (*)	-	8.000.000.000
- Hồ Thị Bích Ly (*)	-	5.500.000.000
- Trịnh Thị Ngọc Châu (*)	-	6.000.000.000
- Trương Thị Thúy Hà (*)	-	5.000.000.000
- Ông Vũ Chí Đức (**)	-	14.629.000.000
	-	55.129.000.000

4.7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại Số đầu năm	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192
Tại Số cuối năm	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại Số đầu năm	(6.611.526.701)	(5.867.520.153)	(963.104.633)	(91.501.000)	(13.533.652.487)
- Khấu hao trong kỳ	(334.332.446)	(243.600.000)	-	-	(577.932.446)
Tại Số cuối năm	(6.945.859.147)	(6.111.120.153)	(963.104.633)	(91.501.000)	(14.111.584.933)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại Số đầu năm	1.096.775.705	568.400.000	-	-	1.665.175.705
Tại Số cuối năm	762.443.259	324.800.000	-	-	1.087.243.259

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2025 là 12.119.165.966 VN

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án khai thác vàng tại Hòa Bình	6.034.365.131	6.034.365.131
	6.034.365.131	6.034.365.131

4.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo PP VCSH	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo PP VCSH
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (*)	47.950.000.000	47.914.666.450	47.950.000.000	47.914.666.450
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000	24.145.465.329	24.150.000.000	24.145.465.329
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	23.800.000.000	23.769.201.121	23.800.000.000	23.769.201.121
Cộng	47.950.000.000	47.914.666.450	47.950.000.000	47.914.666.450

(*) Giá trị ghi sổ Theo phương pháp vốn chủ sở hữu của hai công ty liên kết trên được lập dựa trên báo cáo tài chính của công ty đó tại ngày 31/12/2025. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Hợp tác xã Môi trường xanh Vân sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi các khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình tài chính sẽ được cải thiện.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành	Số nhà 95, đường Lê Hồng Phong, tổ 22, phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	33,25%	35%	Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

4.10. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Phạm Quân	5.921.311.248	5.921.311.248	5.921.311.248	5.921.311.248
- Công ty TNHH Nội thất Tây Bắc Việt Nam	3.571.400.160	3.571.400.160	3.571.400.160	3.571.400.160
- Hợp tác xã dâu tằm tơ Duy Thu	7.306.200.000	7.306.200.000	-	-
- Công ty CP Thương mại và Đầu tư Meta	8.540.814.900	8.540.814.900	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại tổng hợp Tiến Dũng	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553
- Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000
- Công ty TNHH XD và vận tải Hà Lào	6.428.166.480	6.428.166.480	6.428.166.480	6.428.166.480
- Hợp tác xã Tơ Tằm Sơn Lương	11.337.000.000	11.337.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000
- Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh	988.000.000	988.000.000	988.000.000	988.000.000
- Các đối tượng khác	1.263.249.124	1.263.249.124	7.275.039.119	7.275.039.119
	49.551.082.465	49.551.082.465	40.478.857.560	40.478.857.560

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Các loại thuế khác	-	68.500.000	68.500.000	-
	-	68.500.000	68.500.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Bất động sản Sơn Tùng	166.637.240	166.637.240
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thái Dương	188.405.000	188.405.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển năng lượng sạch Việt Nam	978.000	978.000
	356.020.240	356.020.240

4.13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
- Chi phí khác	431.545.116	431.545.116
	431.545.116	431.545.116

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	7.896.078.831	45.034.000
- Kinh phí công đoàn	12.860.000	12.860.000
- Bảo hiểm xã hội	28.667.000	32.174.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.854.551.831	-
	7.896.078.831	45.034.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	12.230.000.000	12.230.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	2.230.000.000	2.230.000.000
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam (1)	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	-	-
	12.230.000.000	12.230.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	2.230.000.000	2.230.000.000

(1) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

(2) Theo hợp đồng cấp tín dụng số 270662.24.060.36498905.TD ngày 25/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội: Giá trị hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng); Mục đích cấp tín dụng: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của khách hàng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 19/12/2025; Lãi suất: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ; Bảo lãnh theo từng cam kết bảo lãnh do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách hàng được MB chấp nhận. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 296283.25.060.36498905.BD ngày 29/04/2025 là quyền sử dụng đất: thửa đất số 881, tờ bản đồ số 10 với diện tích 264m² tại Thôn Mục Uyên 2, Xã Tân Xã, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Đây là tài sản riêng của ông Đinh Văn Nam theo Văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng số 10679 lập ngày 14/04/2025 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tiến Vinh TP Hà Nội

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(134.773.923.533)	2.807.827.990	122.303.624.100
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.629.126.525	48.140.774	1.677.267.299
Số cuối năm trước	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(133.144.797.008)	2.855.968.764	123.980.891.399
Số đầu năm nay	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(133.144.797.008)	2.855.968.764	123.980.891.399
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(2.797.978.742)	(92.606.957)	(2.890.585.699)
Số cuối năm nay	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(135.942.775.750)	2.763.361.807	121.090.305.700

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

4.16.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.633.000	24.633.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	191	191
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	24.632.809	24.632.809
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

4.16.4. Các quỹ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978
	7.941.629.643	7.941.629.643

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	45.157.152.800	33.565.216.052
- Doanh thu bán hàng	31.743.800.600	21.647.199.385
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.413.352.200	11.918.016.667
	45.157.152.800	33.565.216.052

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng bán	31.301.520.300	20.226.005.999
- Giá vốn dịch vụ	13.215.000.000	11.600.000.000
	44.516.520.300	31.826.005.999

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.022.913.329	2.117.748.097
	1.022.913.329	2.117.748.097

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí tài chính khác	523.405.287	10.120.297
	523.405.287	10.120.297

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.869.800.000	1.170.840.000
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	577.932.446	577.932.446
- Thuế, phí và lệ phí	65.500.000	17.556.995
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.517.493.795	403.241.203
	4.030.726.241	2.169.570.644

5.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.797.978.742)	1.629.126.525
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	24.632.809	24.632.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(114)	66

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm nay	Năm trước
	Chức danh	VND	VND
Hội đồng quản trị			
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc	60.000.000	60.000.000
		156.000.000	156.000.000

6.2. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

6.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.4. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

6.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Người lập biểu
Nguyễn Thị Hoa



Phụ trách kế toán
Nguyễn Thị Hoa



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thắng

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2026